

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2017/HS-ST
Ngày: 14/6/2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA - TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Pậu

2. Ông Lù Văn Quý

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Lương Anh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Bà Ngàn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Người phiên dịch cho bị cáo: Bà Cầm Thanh Hương, trú tại Tổ 1, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, là Giáo viên dạy tiếng dân tộc Thái – Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Sơn La, có mặt.

Ngày 14 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 85/2017/HS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo:

Lò Thị A; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1967, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La; Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hoá: không biết chữ; Nghề nghiệp: không; Con ông Lò Văn D (*Đã chết*); con bà Lò Thị Đ, sinh năm 1940; Bị cáo có chồng Quàng Văn M (*Đã ly hôn*), có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền sự: không có; Tiền án: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 26/12/2016, Lò Thị A đang ở nhà thì có bạn là Lò Thị Y trú tại bản T, xã G, huyện T, tỉnh Sơn La đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu đỏ BKS 26F9-6749 đến rủ A đi chặt mía thuê ở xã M, huyện L, tỉnh Sơn La, A đồng ý. Do bị nghiện ma túy nên khi A cùng Y đến khu vực xã G, huyện T, A bảo Y dừng lại và đứng đợi ở ngoài đường Quốc lộ 6, Phỏng đi bộ một mình vào khu vực Nhà máy xi măng và mua được 01 gói ma túy của một người nam thanh niên không biết tên, tuổi và địa chỉ với giá 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), mục đích để sử dụng dần. Sau đó A tiếp tục lên xe cùng Y và đi về hướng thành phố S. Trên đường đi do sợ Y phát hiện nên A bảo Y dừng xe cho mình đi vệ sinh và A cất dấu gói ma túy vào hậu môn. Khi đi đến khu vực dốc Két nước thuộc tổ 9, phường T, thành phố S thì bị tổ công tác Công an phường Q phát hiện, lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Cơ quan Công an thu giữ được vật chứng gồm: 01 gói nilon màu hồng bên trong có 02 gói nilon màu trắng thu trong hậu môn của Lò Thị A, có chứa một ít bột cục màu trắng (*Theo lời khai của A là Hêrôin*), chất bột cục màu trắng trong gói nilon thứ nhất có trọng lượng 1,38 gam, chất bột cục màu trắng trong gói nilon thứ hai có trọng lượng 3,42 gam, tổng trọng lượng là 4,8 gam, rút 0,27g trong gói nilon thứ nhất (*Ký hiệu PD1*) và 0,23 gam trong gói nilon thứ hai (*Ký hiệu PD3*) làm mẫu gửi giám định thành phần Hêrôin, còn lại 1,11g Hêrôin ký hiệu PD2 + 3,19 gam ký hiệu PD4 niêm phong nhập kho vật chứng. Ngoài ra cơ quan điều tra còn tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL A115 màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL A256 màu đen đã qua sử dụng; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave màu đỏ BKS 26F9-6749 đã qua sử dụng.

Tại Kết luận giám định số: 128/KLMT/ngày 03/01/2017 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh S kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu PD1,PD3 là chất ma túy, loại chất Hêrôin; trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,50 gam; Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định*”). Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được của Lò Thị A là 4,8 gam, loại chất Hêrôin.

Tại bản Cáo trạng số 31/KSĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Thị A về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị A khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Thị A phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2015/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lò Thị A từ 04(Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự do bị cáo là người mắc nghiện ma túy, thu nhập thấp, gia đình bị cáo không có tài sản gì có giá trị, bị cáo không có tài sản riêng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tiêu huỷ 01 chiếc phong bì viền xanh đỏ đã niêm phong và 1,11g Hêrôin ký hiệu PD2 + 3,19 gam ký hiệu PD4; Trả bị cáo 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu đỏ đen nhãn hiệu Masstel A115, đã qua sử dụng do không liên quan trong vụ án.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Ý kiến của bị cáo nhất trí như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên toà. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt để sớm được trở về với gia đình và cộng đồng và làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, VKSND thành phố S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Vào ngày 26/12/2016, Lò Thị A đã có hành vi Tàng trữ trái phép 4,8 gam Hêrôin, mục đích sử dụng cho bản thân, thì bị tố

công tác Công an phường Q, thành phố S kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang. Hành vi nêu trên của Lò Thị A đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự, như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định:

1. *“Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ”.*

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.*

Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo với số lượng tàng trữ Hêrôin không lớn, mục đích tàng trữ ma túy là để sử dụng cho bản thân, do bị cáo là người đã và đang bị mắc nghiện ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm phát sinh, lây lan các tệ nạn xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, gây mất trật tự an ninh và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo đã được giáo dục, biết rõ tác hại của ma túy đối với đời sống con người và đời sống xã hội, song vẫn cố tình phạm tội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do cố ý, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ hai năm đến bảy năm tù đối với bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo Lò Thị A: không có tiền sự, nhưng đã hai lần bị Tòa án xét xử đều về tội tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy (*Nay đã xóa án*), là nhân thân xấu, nay tiếp tục phạm tội do cố ý. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, nhưng chưa ăn năn hối cải, nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do bị cáo phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, thuộc danh mục một số quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015, cần áp dụng Điều 1 Nghị quyết 109/2015 của Quốc hội; khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Công văn số 276/TANDTC-PC để xem xét quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội. Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung, nhất là công tác phòng, chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay. Bị cáo đang bị tạm

giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Song, HĐXX xét thấy bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, là người nghiện ma túy, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với nguồn gốc 4,8 gam Hêrôin, bị cáo khai nhận mua của một người đàn ông, không biết tên tuổi và địa chỉ nên không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án].

[4]. Về vật chứng vụ án: Đối với số vật chứng 1,11g Hêrôin ký hiệu PD2 + 3,19 gam ký hiệu PD4 đã niêm phong và 01 chiếc phong bì viền xanh đỏ đã niêm phong cần tuyên tiêu hủy; Trả bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL A115 màu đen đã qua sử dụng; Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả Lò Thị Y 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave màu đỏ BKS 26F9-6749 đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL A256 màu đen đã qua sử dụng, do không liên quan trong vụ án, là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Thị A phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Áp dụng Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lò Thị A 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (ngày 26/12/2016).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tuyên tiêu hủy 01 chiếc phong bì viền xanh đỏ niêm

phong, mặt trước phong bì ghi: “*Vật chứng lưu kho vụ Lò Thị A tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 26/12/2016 tại tổ 13, phường Q, thành phố S gồm 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở + 01 mảnh nilon màu hồng + 02 mảnh nilon màu trắng + các mẫu có ký hiệu PD2 = 1,11 gam; PD4 = 3,19 gam*”, mặt sau có hai dấu vân tay điểm chỉ màu đỏ và chữ ký của thành phần tham gia niêm phong; Trả bị cáo 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu đỏ đen trên màn hình có dòng chữ Masstel A115, số Imei 1 có năm số cuối 71407 đã qua sử dụng do không liên quan trong vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Buộc bị cáo Lò Thị A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lò Thị A có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát (2 bản);
- CA thành phố S;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- THADS thành phố S;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Hương